

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC DOMEDIÇ**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010**

## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh các báo cáo tài chính	9 - 26

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Y Dược Domedic cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**1. Công ty**

Công ty cổ phần Y Dược Domedic (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 5103000079 đăng ký lần đầu ngày 3 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng.

<i>Cổ đông góp vốn</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Số tiền VND</i>	<i>%</i>
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	1.350.000	13.500.000.000	22,5
- Công ty Cổ phần DOMENAL	950.000	9.500.000.000	15,8
- Văn phòng tỉnh ủy tỉnh Đồng Tháp	300.000	3.000.000.000	5,0
- Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt	600.000	6.000.000.000	10,0
- Ông Phan Thanh Hải	600.000	6.000.000.000	10,0
- Ông Trần Duy Thanh	300.000	3.000.000.000	5,0
- Cổ đông khác	1.900.000	19.000.000.000	31,7
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100</b>

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Huỳnh Trung Chánh	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hải	Phó chủ tịch
Ông Trần Duy Thanh	Thành viên
Ông Lưu Hoàng Tân	Thành viên
Ông Dương Văn Khuyến	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Duy Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Bình Vũ	Phó Giám đốc

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại số 700 Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**4. Hoạt động chính**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, hoạt động chính của Công ty là bệnh viện, bán lẻ thuốc thành phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC DOMEDIC  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

Thời gian hoạt động của Công ty là năm mươi năm (50) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 03 tháng 4 năm 2007).

**5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**9. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

---

**HUYỀN TRUNG CHÁNH**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành phố Cao Lãnh, ngày 23 tháng 03 năm 2011

Số: 00102.HCM/101.10

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của  
CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC DOMEDIC

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC DOMEDIC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Y Dược Domedic (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính lập ngày 23 tháng 03 năm 2011 thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Y Dược Domedic, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

---

**BÙI TUYẾT VÂN**

**Phó Tổng Giám Đốc**

Chứng chỉ KTV số Đ.0071/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2011

---

**NGUYỄN THỦY HOA**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số 0423/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>TÀI SẢN</b>	Mã số	Thuyết minh	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>01/01/2010 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>35.544.310.338</b>	<b>32.164.778.485</b>
<b>Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>9.364.186.037</b>	<b>8.757.658.883</b>
Tiền	111		64.186.037	757.658.883
Các khoản tương đương tiền	112		9.300.000.000	8.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>22.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		22.000.000.000	20.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>495.296.952</b>	<b>436.323.957</b>
Phải thu khách hàng	131	4.3	50.079.696	248.349.752
Trả trước cho người bán	132		100.068.800	143.106.250
Các khoản phải thu khác	135	4.4	345.148.456	44.867.955
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.5	<b>2.630.412.703</b>	<b>1.976.857.999</b>
Hàng tồn kho	141		2.630.412.703	1.976.857.999
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.054.414.646</b>	<b>993.937.646</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	208.801.482	246.890.601
Thuế GTGT được khấu trừ	152		625.090.506	610.958.045
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.7	112.012.658	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.8	108.510.000	136.089.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.088.615.261</b>	<b>31.574.334.453</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>30.891.125.666</b>	<b>31.323.622.209</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	28.055.850.463	28.555.272.757
Nguyên giá	222		35.873.838.537	33.440.001.732
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.817.988.074)	(4.884.728.975)
Tài sản cố định vô hình	227	4.10	1.153.327.567	1.179.577.567
Nguyên giá	228		1.221.860.833	1.221.860.833
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68.533.266)	(42.283.266)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.681.947.636	1.588.771.885
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>197.489.595</b>	<b>250.712.244</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	186.989.595	250.712.244
Tài sản dài hạn khác	268	4.12	10.500.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>66.632.925.599</b>	<b>63.739.112.938</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>NGUỒN VỐN</b>	Mã số	Thuyết minh	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>01/01/2010 VND</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.288.055.852</b>	<b>2.604.263.620</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.190.377.233</b>	<b>2.604.263.620</b>
Phải trả người bán	312	4.13	1.417.254.334	1.698.114.739
Người mua trả tiền trước	313		362.585.872	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.14	976.466.722	367.929.419
Phải trả người lao động	315		334.066.200	401.500.000
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.15	145.950.157	152.622.432
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.16	(45.946.052)	(15.902.970)
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>97.678.619</b>	<b>-</b>
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		97.678.619	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>63.344.869.747</b>	<b>61.134.849.318</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.17	<b>63.344.869.747</b>	<b>61.134.849.318</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu quỹ	414		(50.000.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		95.075.570	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		19.015.114	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.080.779.063	934.849.318
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>66.632.925.599</b>	<b>63.739.112.938</b>

**TRẦN DUY THANH**

Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 23 tháng 03 năm 2011

**TRẦN NGUYỄN CƯỜNG**

Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2010 VND</b>	<b>Năm 2009 VND</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	25.485.280.628	22.996.589.712
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>25.485.280.628</b>	<b>22.996.589.712</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	5.2	20.695.180.473	19.776.425.987
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>4.790.100.155</b>	<b>3.220.163.725</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.283.617.693	1.396.047.377
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.4	38.807.773	42.275.818
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	3.808.064.250	3.192.280.245
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.226.845.825</b>	<b>1.381.655.039</b>
Thu nhập khác	31	5.6	4.007.409	40.258.710
Chi phí khác	32	5.7	43.300.566	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(39.293.157)</b>	<b>40.258.710</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.187.552.668</b>	<b>1.421.913.749</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	864.866.821	330.146.175
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>3.322.685.847</b>	<b>1.091.767.574</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	554	236

**TRẦN DUY THANH****Tổng Giám đốc**

Thành phố Cao Lãnh, ngày 23 tháng 03 năm 2011

**TRẦN NGUYỄN CƯỜNG****Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2010 VND</b>	<b>Năm 2009 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>4.187.552.668</b>	<b>1.421.913.749</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.959.509.099	2.696.365.316
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.291.804.184)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.283.617.693)	-
<b>Lợi nhuận KD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>3.863.444.074</b>	<b>2.826.474.881</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(168.039.114)	(643.767.888)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(653.554.704)	(418.637.834)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	135.497.708	472.724.386
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	110.635.404	340.491.529
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(344.763.215)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	500.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(303.030.500)	(245.510.984)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.640.689.653</b>	<b>2.331.774.090</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21	(2.477.602.192)	(6.800.177.767)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(20.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.283.617.693	1.291.804.184
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.193.984.499)</b>	<b>(25.508.373.583)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	20.200.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(50.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(790.178.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(840.178.000)</b>	<b>20.200.000.000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>8.757.658.883</b>	<b>11.734.258.376</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>9.364.186.037</b>	<b>8.757.658.883</b>

**TRẦN DUY THANH****Tổng Giám đốc**

Thành phố Cao Lãnh, ngày 23 tháng 03 năm 2011

**TRẦN NGUYỄN CƯỜNG****Kế toán trưởng**

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Y Dược Domic dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 5103000079 đăng ký lần đầu ngày 3 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng.

Hoạt động chính của Công ty là bệnh viện, bán lẻ thuốc thành phẩm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 5103000079 đăng ký lần đầu ngày 3 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp

Thời gian hoạt động của Công ty là năm mươi năm (50) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 03 tháng 4 năm 2007).

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 700 Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số nhân viên của Công ty là 16 người, trong đó số nhân viên quản lý là 4 người.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) và được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập theo các nguyên tắc kế toán và luật định của Việt Nam có thể có một số khác biệt ở một số phương diện trọng yếu so với các Chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các Nguyên tắc kế toán được thừa nhận rộng rãi ở quốc gia của người đọc báo cáo. Do đó, Báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các khu vực nằm ngoài phạm vi Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

### 2.2 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng: nhật ký chung

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó, tại thời điểm báo cáo.

### 3.2 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác.

### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	:	Nhập trước xuất trước
Hàng hóa	:	Nhập trước xuất trước

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 năm - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 năm - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 năm - 4 năm
TSCĐ khác	2 năm - 10 năm

### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá TSCĐ vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	Vô thời hạn
Phần mềm máy vi tính	3 năm

### 3.6 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### 3.7 Đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư ngắn hạn khác*

Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi không quá một năm. Trường hợp đầu tư bằng tiền hoặc hiện vật ngắn hạn thì giá trị các khoản đầu tư được tính theo giá thỏa thuận của các bên tham gia đầu tư.

Đồng kiểm soát cho Công ty quyền cùng chi phối với các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với mọi hoạt động kinh tế, trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

### 3.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ (-) đi giá trị đã phân bổ lũy kế.

Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí, trong đó:

Công cụ dụng cụ

2 năm

### 3.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập vào cuối năm tài chính theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003. Mức trích lập quỹ 1% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

### 3.10 Vốn chủ sở hữu

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là khoản vốn đã góp của các thành viên.

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.

*Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### 3.11 Doanh thu

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

### 3.12 Thuế

*Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Các mặt hàng do Công ty kinh doanh chịu thuế suất 10%.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)***

#### *Ưu đãi thuế TNDN*

Đối với dự án "Phòng khám đa khoa, nhà bảo sanh và bệnh viện 100 giường", Công ty được áp dụng thuế suất 20% (hai mươi phần trăm) trong 10 (mười) năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (năm 2007) và theo quy định hiện hành trong các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế trong 2 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2008) và được giảm 50% (năm mươi phần trăm) trong 3 (ba) năm tiếp theo.

Đối với hoạt động kinh doanh và sản xuất khác, Công ty áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành là 25% (hai mươi lăm phần trăm).

#### *Chi phí thuế TNDN*

Chi phí thuế TNDN bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành và thuế suất thuế TNDN hiện hành; và các điều chỉnh thuế TNDN của các giai đoạn trước vào thuế thu nhập giai đoạn hiện hành. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính, cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay chi phí không được khấu trừ.

***Các loại thuế khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **3.13 Chia cổ tức**

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức tạm ứng được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

### **3.14 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## **4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<i>Tiền</i>		
Tiền mặt - VND	30.762.281	351.217.064
Tiền gửi ngân hàng - VND	33.423.756	406.441.819
	<b>64.186.037</b>	<b>757.658.883</b>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng - VND	9.300.000.000	8.000.000.000
	<b>9.300.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>

**4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>		
	22.000.000.000	20.000.000.000
	<b>22.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

**4.3 Phải thu khách hàng**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Bên liên quan	45.694.696	-
Bên thứ ba	4.385.000	248.349.752
	<b>50.079.696</b>	<b>248.349.752</b>

**4.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Thuế thu nhập cá nhân	120.224.183	44.867.955
Chi phí đưa mẫu xét nghiệm	33.471.500	-
Lãi phải thu Domesco	121.122.222	-
Lãi phải thu tiền gửi có kỳ hạn	70.330.551	-
	<b>345.148.456</b>	<b>44.867.955</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.5 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Hàng mua đang đi đường	180.853.801	-
Nguyên liệu, vật liệu	762.941.400	475.139.659
Hàng hóa	1.686.617.502	1.501.718.340
	<b><u>2.630.412.703</u></b>	<b><u>1.976.857.999</u></b>

**4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Chi phí bảo hiểm	9.786.995	-
Công cụ dụng cụ	187.837.781	246.890.601
Chi phí kiểm toán	11.176.706	-
	<b><u>208.801.482</u></b>	<b><u>246.890.601</u></b>

**4.7 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Thuế giá trị gia tăng	7.389.974	-
Thuế thu nhập cá nhân	104.622.684	-
	<b><u>112.012.658</u></b>	<b><u>-</u></b>

**4.8 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Tạm ứng	108.510.000	125.589.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	10.500.000
	<b><u>108.510.000</u></b>	<b><u>136.089.000</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	TSCĐ khác (VND)	<b>Tổng cộng</b> (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>01/01/2010</b>	<b>11.370.738.146</b>	<b>21.145.786.404</b>	<b>735.845.091</b>	<b>120.832.091</b>	<b>66.800.000</b>	<b>33.440.001.732</b>
Mua trong kỳ	-	73.000.000	-	-	-	73.000.000
Đầu tư XD CB	1.324.925.987	1.034.675.000	-	-	-	2.359.600.987
Tăng khác	1.235.818	-	-	-	-	1.235.818
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>31/12/2010</b>	<b>12.696.899.951</b>	<b>22.253.461.404</b>	<b>735.845.091</b>	<b>120.832.091</b>	<b>66.800.000</b>	<b>35.873.838.537</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>01/01/2010</b>	<b>929.518.322</b>	<b>3.737.367.561</b>	<b>161.999.513</b>	<b>26.896.917</b>	<b>28.946.662</b>	<b>4.884.728.975</b>
Chi phí khấu hao	579.400.031	2.252.587.552	75.497.556	12.413.964	13.359.996	2.933.259.099
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>31/12/2010</b>	<b>1.508.918.353</b>	<b>5.989.955.113</b>	<b>237.497.069</b>	<b>39.310.881</b>	<b>42.306.658</b>	<b>7.817.988.074</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2010	10.441.219.824	17.408.418.843	573.845.578	93.935.174	37.853.338	28.555.272.757
<b>31/12/2010</b>	<b>11.187.981.598</b>	<b>16.263.506.291</b>	<b>498.348.022</b>	<b>81.521.210</b>	<b>24.493.342</b>	<b>28.055.850.463</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>01/01/2010</b>	<b>1.011.860.833</b>	<b>210.000.000</b>	<b>1.221.860.833</b>
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>31/12/2010</b>	<b>1.011.860.833</b>	<b>210.000.000</b>	<b>1.221.860.833</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>01/01/2010</b>	-	<b>42.283.266</b>	<b>42.283.266</b>
Khấu hao trong kỳ	-	26.250.000	26.250.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>31/12/2010</b>	-	<b>68.533.266</b>	<b>68.533.266</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2010	1.011.860.833	167.716.734	1.179.577.567
<b>31/12/2010</b>	<b>1.011.860.833</b>	<b>141.466.734</b>	<b>1.153.327.567</b>

**4.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2010</b> (VND)	<b>01/01/2010</b> (VND)
Công cụ dụng cụ	186.989.595	250.712.244
	<b>186.989.595</b>	<b>250.712.244</b>

**4.12 Tài sản dài hạn khác**

	<b>31/12/2010</b> (VND)	<b>01/01/2010</b> (VND)
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	10.500.000	-
	<b>10.500.000</b>	<b>-</b>

**4.13 Phải trả người bán**

	<b>31/12/2010</b> (VND)	<b>01/01/2010</b> (VND)
Bên liên quan	334.998.132	330.538.767
Bên thứ ba	1.082.256.202	1.367.575.972
	<b>1.417.254.334</b>	<b>1.698.114.739</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	850.249.781	330.146.175
Thuế thu nhập cá nhân	107.041.941	37.783.244
Các loại thuế khác	19.175.000	-
	<b><u>976.466.722</u></b>	<b><u>367.929.419</u></b>

**4.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Kinh phí công đoàn	47.555.497	87.073.968
Bảo hiểm xã hội	12.480.016	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	34.850.240
Các khoản phải trả, phải nộp khác	85.914.644	30.698.224
	<b><u>145.950.157</u></b>	<b><u>152.622.432</u></b>

**4.16 Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng (VND)	Quỹ phúc lợi (VND)	<b>Cộng (VND)</b>
<b>01/01/2010</b>	<b>(500.000)</b>	<b>(15.402.970)</b>	<b>(15.902.970)</b>
Trích lập quỹ	-	41.537.418	41.537.418
Thu tiền ngày thầy thuốc Việt Nam	-	500.000	500.000
Chi khen thưởng	-	(22.180.500)	(22.180.500)
Chi Tết Nguyên Đán	-	(11.900.000)	(11.900.000)
Chi phúc lợi cho người lao động	-	(33.890.000)	(33.890.000)
Chi khác	-	(4.110.000)	(4.110.000)
<b>31/12/2010</b>	<b>(500.000)</b>	<b>(45.446.052)</b>	<b>(45.946.052)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.17 Vốn chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 5103000079 đăng ký lần đầu ngày 3 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, cổ đông góp vốn của Công ty đã góp đủ vốn điều lệ 60 tỷ, cụ thể như sau:

<i>Cổ đông góp vốn</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Số tiền VND</i>	<i>%</i>
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	1.350.000	13.500.000.000	22,5
- Công ty Cổ phần DOMENAL	950.000	9.500.000.000	15,8
- Văn phòng tỉnh ủy tỉnh Đồng Tháp	300.000	3.000.000.000	5,0
- Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt	600.000	6.000.000.000	10,0
- Ông Phan Thanh Hải	600.000	6.000.000.000	10,0
- Ông Trần Duy Thanh	300.000	3.000.000.000	5,0
- Cổ đông khác	1.900.000	19.000.000.000	31,7
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ dự phòng tài chính (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)
<b>01/01/2010</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	-	-	-	<b>934.849.311</b>
Kết quả hoạt động trong kỳ	-	-	-	-	-	3.322.685.841
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(218.850.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	95.075.570	-	(95.075.570)
Trích quỹ dự phòng TC	-	-	-	-	19.015.114	(19.015.114)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(41.537.418)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(790.178.000)
Mua lại cổ phiếu	-	-	(50.000.000)	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân của HĐQT	-	-	-	-	-	(12.100.000)
<b>31/12/2010</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>95.075.570</b>	<b>19.015.114</b>	<b>3.080.779.061</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Vốn góp của Nhà nước	3.000.000.000	3.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cá nhân trong nước	28.000.000.000	28.000.000.000
Tổ chức trong nước	29.000.000.000	29.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu quỹ	(50.000.000)	-
	<b>60.150.000.000</b>	<b>60.200.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu kỳ	60.200.000.000	40.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	20.200.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	<b>60.200.000.000</b>	<b>60.200.000.000</b>
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	790.178.000	-

**Cổ tức**

Cổ tức trả cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ được trả cho cổ đông cũ : 182 đồng/cổ phiếu và cổ đông mới là 33 đồng/cổ phiếu

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Quỹ đầu tư phát triển	95.075.570	-
Quỹ dự phòng tài chính	19.015.114	-
	<b>114.090.684</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Doanh thu**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Doanh thu sản xuất thuốc	6.428.533.607	8.328.894.706
Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh	14.778.642.117	12.598.953.581
Doanh thu cộng tác viên khám bệnh	568.634.399	676.215.400
Doanh thu khám sức khỏe định kỳ	706.795.000	604.230.250
Doanh thu viện phí bảo hiểm y tế	1.018.389.912	590.959.188
Doanh thu thuốc KCB bảo hiểm y tế	1.869.411.780	123.850.229
Doanh thu khác	114.873.813	73.486.358
	<b>25.485.280.628</b>	<b>22.996.589.712</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Giá vốn thuốc và dụng cụ y tế	10.347.344.627	10.407.926.698
Chi phí nhân công	5.319.918.162	4.398.059.165
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.727.487.342	2.513.710.131
Chi phí khác bằng tiền	2.300.430.342	2.456.729.993
	<b>20.695.180.473</b>	<b>19.776.425.987</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.283.617.693	1.291.804.184
Chiết khấu	-	104.243.193
	<b>3.283.617.693</b>	<b>1.396.047.377</b>

**5.4 Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.377.773	35.722.750
Chi phí khác bằng tiền	8.430.000	6.553.068
	<b>38.807.773</b>	<b>42.275.818</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.327.064.529	1.766.440.383
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	55.458.500
Chi phí khấu hao TSCĐ	233.257.575	182.655.185
Thuế, phí và lệ phí	785.455	4.270.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.155.145.939	1.062.837.888
Chi phí khác bằng tiền	91.810.752	120.618.289
	<b>3.808.064.250</b>	<b>3.192.280.245</b>

**5.6 Thu nhập khác**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Hỗ trợ hội thảo	-	24.300.000
Hỗ trợ quảng cáo, tiếp thị	-	15.958.710
Thu nhập khác	4.007.409	-
	<b>4.007.409</b>	<b>40.258.710</b>

**5.7 Chi phí khác**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Công cụ thanh lý	43.300.566	-
	<b>43.300.566</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành (i)	864.866.821	248.872.332
Chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	81.273.843
	<b>864.866.821</b>	<b>330.146.175</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(i) Chi phí thuế TNDN ước tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành

	Hoạt động chính (VND)	Hoạt động khác (VND)	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	943.228.132	3.244.324.536	4.187.552.668	1.421.913.749
<i>Điều chỉnh chi phí không được trừ</i>				
Chi phí không có chứng từ hợp lý, hợp lệ	132.485.602	-	132.485.602	213.865
Lợi nhuận tính thuế TNDN	1.075.713.734	3.244.324.536	4.320.038.270	1.422.127.614
Thuế suất	10%	25%	25%	25%
Thuế TNDN	107.571.373	811.081.134	<b>1.080.009.567</b>	<b>355.531.903</b>
Tỷ lệ được giảm	50%			30%
Thuế TNDN được giảm	(53.785.686)	-	-	(106.659.571)
Chi phí thuế TNDN	<u>53.785.687</u>	<u>811.081.134</u>	<u><b>864.866.821</b></u>	<u><b>248.872.332</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

		<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(VND)	3.322.685.847	1.091.767.574
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	(VND)	-	-
		<u>3.322.685.847</u>	<u>1.091.767.574</u>
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	(Cổ phiếu)	6.000.000	4.619.178
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(VND/cổ phiếu)	<u>554</u>	<u>236</u>

**6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****6.1 Thông tin về các bên liên quan**

- (i) Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Địa điểm</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Y tế Domesco	(Việt Nam)	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

- (ii) Giao dịch với các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2010</u> (VND)	<u>Năm 2009</u> (VND)
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Y tế Domesco	Nhận vốn góp	2.000.000.000	4.500.000.000
	Vay		20.000.000.000
	Bán hàng	1.592.837.703	940.734.881
	Lãi vay	<u>2.465.000.004</u>	<u>321.944.444</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC DOMEDIC

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(iii) Số dư với các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>31/12/2010</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2010</u> <u>(VND)</u>
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Y tế Domesco	Vốn góp	13.500.000.000	13.500.000.000
	Vay	22.000.000.000	20.000.000.000
	Phải trả	334.998.132	330.538.772

**TRẦN DUY THANH**

**Tổng Giám đốc**

Thành phố Cao Lãnh, ngày 23 tháng 03 năm 2011

**TRẦN NGUYỄN CƯỜNG**

**Kế toán trưởng**